**Tuần 21:**

**Tiết 1: ÔN TẬP CHƯƠNG II**

**Ngày dạy:25/01/2021**

**Lớp dạy: 6A4,6a5**

1. **Mục tiêu :**

\_ Oân tập cho hs khái niệm về tập **Z** các số nguyên, giá trị tuyệt đối của một số nguyên, quy tắc cộng, trừ, nhân hai số nguyên và các tính chất của phép cộng, phép nhân số nguyên.

\_ Hs vận dụng các kiến thức trên vào bài tập về so sánh số nguyên, thực hiện phép tính, bài tập về giá trị tuyệt đối, số đối của số nguyên.

1. **Chuẩn bị :**

\_ Hs xem lại các kiến thức có liên quan như phần hướng dẫn tiết trước.

\_ Bài tập ôn tập chương II.

1. **Hoạt động dạy và học :**
   1. **Ổn định tổ chức : 1’**
   2. **Kiểm tra bài cũ: 5’**

\_ Các câu hỏi 1, 2, 3 (sgk : tr 98).

* 1. **Bài mới :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của gv*** | ***Hoạt động của hs*** | ***Ghi bảng*** |
| HĐ1 :12’ Kiểm tra tính thứ tự trong tập hợp số nguyên, biểu diễn số nguyên trên trục số.  Gv : Xác định a và b là số nguyên dương hay nguyên âm ?  Gv : Trên trục số, số a lớn hơn b khi nào ?  Gv : Xác định các vị trí –a, -b trên trục số.  Gv : Giá trị tuyệt đối của số nguyên a là gì ? Áp dụng vào câu b).  Gv : Hướng dẫn hs lần lượt so sánh a với 0, b với 0.  HĐ2 :12’ Củng cố thứ tự, so sánh các số nguyên :  Gv : Sắp xếp các năm sinh theo thứ tự thời gian tăng dần, ta thực hiện thế nào ?  Gv : Trong các nhà toán học đó ai là người ra đời trước tiên ?  HĐ3 :12’ Củng cố quy tắc cộng, nhân hai số nguyên.  Gv : Hướng dẫn theo từng câu hỏi thứ tự như sgk : tr 99, chú ý tìm vd minh hoạ | Hs : Vẽ trục số H.53 (sgk : tr 98).  Hs : a : nguyên âm, b : nguyên dương.  Hs : Tùy thuộc vào a nằm bên trái hay bên phải b.  Hs : Tìm vị trí các số đối tương ứng của a và b.  Hs : Phát biểu định nghĩa.  Hs : Hoạt động tương tự.  Hs : Sắp xếp các số âm rồi đến các số dương (chú ý số âm : phần số càng lớn thì giá trị càng nhỏ).  Hs : Xác định số bé nhất trong các năm sinh.  Hs : Khẳng định các câu kết luận đã cho là đúng hay sai, tìm vd minh họa. | **BT 107 (sgk : tr 98).**  a, b) Vẽ trục số thực hiện như sgk.  c) a < 0 và –a =  =  > 0.  b =  =  > 0 và -b < 0.  **BT 109 (sgk : tr 98).**  \_ Theo thứ tự tăng : -624 ; -570 ; -287 ; 1 441 ; 1 596 ; 1 777 ; 1 850.  **BT 110 (sgk : tr 99).**  \_ Câu a, b đúng.  \_ Câu c) sai.  vd : (-2). (-3) = 6.  \_ Câu d) đúng. |

* 1. **Củng cố:**

\_ Ngay sau mỗi phần lý thuyết liên quan.

* 1. **Hướng dẫn học ở nhà : 3’**

\_ Chuẩn bị phần câu hỏi lý thuyết.

\_ Bài tập còn lại phần ôn tập chương II (sgk : tr 98 ; 99 ; 100).

**\* Rút kinh nghiệm:**

GV cho các bài tập vận dụng các kiến thức trên vào bài tập về so sánh số nguyên, thực hiện phép tính, bài tập về giá trị tuyệt đối, số đối của số nguyên.

**Tuần 21**

**Tiết 2: KIỂM TRA 1 TIẾT**

**Tuần 21**

**Tiết 3: MỞ RỘNG KHÁI NIỆM PHÂN SỐ**

**Ngày dạy:27/01/2021**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**Mục tiêu :**

\_ Hs thấy được sự giống nhau và khác nhau giữa khái niệm phân số đã học ở Tiểu học và khái niệm khái niệm phân số học ở lớp 6.

\_ Viết được các phân số mà tử và mẫu số là các số nguyên.

\_ Thấy được số nguyên cũng được coi là phân số với mẫu là 1.

1. **Chuẩn bị :**

\_ Hs xem lại khái niệm phân số đã học ở Tiểu học.

- SGK, bảng phụ

1. **Hoạt động dạy và học :**
   1. **Ổn định tổ chức : 1’**
   2. **Kiểm tra bài cũ: 5’**

\_ Trình bày khái niệm phân số (ở Tiểu học) và cho biết ý nghĩa các phân số đó.

* 1. **Bài mới :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động của gv*** | ***Hoạt động của hs*** | ***Ghi bảng*** |
| HĐ1 :15’ Khái niện phân số :  Gv : Giới thiệu sơ lược chương II “ Phân số “ tương tự phần mở đầu.  Gv : Yêu cầu hs cho ví dụ về phân số đã biết ở Tiểu học ?  Gv : Đặt vấn đề với việc chia bánh : trong trường hợp phép chia hết và phép chia không hết, suy ra cần sử dụng khái niệm mới “ phân số “.  \_ Vd : 6 cái bánh chia làm 2 người, mỗi người được mấy cái ? Tương tự với 1 bánh chia cho 4 người ta thực hiện như thế nào ?  Gv: Yêu cầu hs giải thích ý nghĩa các ví dụ phân số đã cho.  Gv : Việc dùng phân số phân số, ta có thể ghi kết quả của phép chia hai số tự nhiên dù rằng số bị chia có chia hết hay không chia hết cho số chia.  Gv :Trong hai trường hợp trên ta có hai phân số nào ?  Gv :  là một phân số, vậy  có phải là một phân số không ?  Gv : Yêu cầu hs nêu dạng tổng quát định nghĩa phân số đã biết ở Tiểu học ?  Gv : Tương tự với phân số ở lớp 6 ta có thể định ngĩa như thế nào ?  Gv : Điểm khác nhau của hai định ngĩa trên là gì ?  Gv : Cho hs ghi khái niệm vào tập.  HĐ2 :15’ Củng cố qua các ví dụ và bài tập ?  Gv : Em hãy cho một vài ví dụ về phân số và xác định tử và mẫu số ? (BT ?1).  Gv : Hướng dẫn hs thực hịên ?2, xác định trong các cách viết đã cho, cách viết nào cho ta phân số ?  Gv : Mọi số nguyên có thể viết dưới dạng phân số được không ? Cho ví dụ ?  Gv : Rút ra dạng tổng quát  *Số nguyên a có thể viết là : .*  Gv : Chú ý trường hợp a = 0, b khác 0 ; a tùy ý, b = 1. | Hs ; Trả lời theo hiểu biết ban đầu.  Hs : Tìm số bánh mà mỗi người có được trong từng trường hợp.  Hs : Giải thích tương tự như việc chia bánh hay trái cam.  Hs : Nghe giảng.  Hs :  và  Hs : là một phân số, đây là kết quả của phép chia -1 cho 4.  Hs :  với a, b**N**, b0  Hs :  với a, b**Z**, b0.  Hs : Khác nhau trong tập hợp.  Hs : Cho các ví dụ tương tự (sgk : tr 5).  Hs : Xác định dựa theo định ngĩa phân số.  Hs : Xác định các dạng số nguyên có thể xảy ra.  \_ Viết chúng dưới dạng phân số có mẫu là 1. | **I. Khái niệm phân số :**  \_ Người ta gọi  với a, b**Z**, b0 là một phân số, a là tử số (tử), b là mẫu số (mẫu) của phân số.  **II. Ví dụ :**  \*  …… là những phân số.  \* *Số nguyên a có thể viết là : .*  Vd :  ….. |

* 1. **Củng cố: 6’**

\_ Bài tập 1 (sgk : tr 5). Chia hình vẽ trong sgk và tô màu phần biểu diễn phân số đã cho.

\_ Bài tập 2 (sgk : tr 6). Hoạt động ngược lại với BT 1.

* 1. **Hướng dẫn học ở nhà : 3’**

\_ Học lý thuyết như phần ghi tập.

\_ Hoàn thành các bài tập còn lại ở sgk bằng cách vận dụng khái niệm phân số.

\_ Chuẩn bị bài 2 “ **Phân số bằng nhau** “.

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_GV cho nhiều bài tập trên lớp và về nhà để HS luyện tập.

\_ GV chú ý tập ghi chép và rèn cho HS yếu hiểu bài.